

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 – 02 – 2025  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Thùy Trang.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Quang Vinh.

2. Ông Lê Văn Dài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 2000.

Địa chỉ HKTT: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Anh Trần Hà P, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Chị Lê Thị Huỳnh N, anh Trần Hà P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huỳnh N và anh Trần Hà P được mai mối và

được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào tháng 9/2020 mà không có thời gian tìm hiểu lẫn nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/9/2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì chị N và anh P cùng đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương. Khi chị N có thai thì chị N về nhà cha mẹ anh P tại ấp T, xã T; sau khi chị N sinh con vào năm 2021 thì anh P cũng về nhà cha mẹ anh P sinh sống. Khi ở chung nhà cha mẹ anh P thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị N có cãi nhau với cha mẹ anh P và anh P nhiều lần, do có sự khác nhau về lối sống sinh hoạt. Vì không tìm được tiếng nói chung nên chị N mang con về nhà cha mẹ ruột. Gia đình chị N khuyên bảo nên chị N quay trở lại nhà anh P sinh sống tiếp, nhưng giữa chị N và anh P, gia đình anh P vẫn phát sinh mâu thuẫn, cự cãi với nhau, nên chị N chỉ về sống được một thời gian ngắn thì đến tháng 4/2023 chị N mang con về nhà cha mẹ ruột tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang sinh sống và sống ly thân với anh P đến nay. Từ tháng 4/2023 đến nay thì anh P không có đi tìm, không có liên hệ, không có đến thăm chị N. Gia đình hai bên cũng không có hàn gắn cho chị N và anh P. Nay chị N không còn tình cảm với anh P, nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/10/2021. Hiện nay cháu T đang sống chung chị N. Chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Trần Hà P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến:*

Về hôn nhân: Anh Trần Hà P và chị Lê Thị Huỳnh N được mai mối, sau đó tự nguyện tìm hiểu khoảng 04-05 tháng thì xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức đám cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/9/2020. Thời gian đầu vợ chồng sống với có hạnh phúc, nhưng sau khi có con thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về tiền bạc, có cãi vã với nhau vài lần, chị N mang con về nhà cha mẹ chị N sinh sống. Sau đó hai bên có hàn gắn được, chị N trở về nhà anh P; nhưng hai bên vẫn phát sinh mâu thuẫn mà không giải quyết được. Đến tháng 4/2023, do vợ chồng cự cãi mà không giải quyết được vấn đề nên chị N mang con về nhà cha mẹ chị N sống và vợ chồng ly thân từ tháng 4/2023 đến nay mà không hàn gắn tình cảm được. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh P thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh P và chị N có 01 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/10/2021. Khi ly hôn anh P tự nguyện giao cháu T cho chị N được quyền nuôi dưỡng và anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Huỳnh N. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N với anh P. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị N với anh P về việc giao con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/10/2021 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi. Anh P không phải cấp dưỡng cho cháu T do chị N không có yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao).
- Giấy khai sinh con chung (Bản sao).
- Biên bản lấy lời khai chị Lê Thị Huỳnh N ngày 25/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (Bản chính).
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 16/12/2024 của chị Lê Thị Huỳnh N (Bản chính).
- Kết quả xác minh của Công an xã T ngày 06/12/2024 về việc cư trú của anh Trần Hà P (Bản chính).
- Bản tự khai ngày 24/02/2025 của anh Trần Hà P (Bản chính).
- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24/02/2025 của anh Trần Hà P (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huỳnh N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Trần Hà P cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Lê Thị Huỳnh N và bị đơn anh Trần Hà P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Huỳnh N yêu cầu ly hôn với anh Trần Hà P. Anh P đồng ý ly hôn với chị N.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị N và anh P cùng xác định đã có phát sinh mâu thuẫn mà không tự giải quyết với nhau được. Tại phiên tòa, chị N và anh P đều vắng mặt nhưng đều có văn bản ý kiến, cụ thể chị N yêu cầu ly hôn với anh P, anh P thống nhất ly hôn với chị N.

Tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải việc ly hôn*”.

Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh P là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Huỳnh N và anh Trần Hà P xác định anh chị có 01 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/10/2021. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu T và không có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P thống nhất yêu cầu của chị N và tự nguyện giao cháu T cho chị N được quyền trực tiếp nuôi, anh P không đồng ý cấp dưỡng cho cháu T.

Xét thấy, hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi cháu T và đã làm tròn nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T; chị N đang có công việc và có thu nhập ổn định đủ để sinh sống và nuôi con.

Khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Do đó, sự thỏa thuận của chị N và anh P về việc người trực tiếp nuôi con là phù hợp, nên được chấp nhận; anh P không phải cấp dưỡng cho cháu T do chị N không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Huỳnh N, anh Trần Hà P phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình, về việc thuận tình ly hôn tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huỳnh N.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Huỳnh N và anh Trần Hà P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Huỳnh N với anh Trần Hà P. Anh Trần Hà P thống nhất giao con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 24/10/2021 cho chị Lê Thị Huỳnh N được quyền trực tiếp nuôi. Anh Trần Hà P không phải cấp dưỡng cho cháu Trần Thị Thanh T do chị Lê Thị Huỳnh N không có yêu cầu anh Trần Hà P cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Hà P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Trần Hà P không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản

trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị Huỳnh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh Trần Hà P.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Huỳnh N và anh Trần Hà P xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Huỳnh N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006973 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình; trả lại cho chị N số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Trần Hà P phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Bình (Đăng ký kết hôn số 54, ngày 09/9/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thùy Trang**